



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 754 /CP-QHĐP

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2025

V/v ý kiến đối với Hồ sơ dự án Luật
Hoạt động giám sát của Quốc hội và
Hội đồng nhân dân (sửa đổi)

Kính gửi: Thường trực Ủy ban Dân nguyện và Giám sát

Trả lời Công văn số 1232/UBNDGS15 ngày 18/8/2025 của Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội về việc đề nghị Chính phủ tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sửa đổi) (dự thảo Luật), Chính phủ có ý kiến như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Trong thời gian qua, việc đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giám sát nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Quốc hội tại nhiều văn bản như: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Kết luận số 843-KL/ĐĐQH15 ngày 03/8/2022 của Đảng đoàn Quốc hội về Đề án tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội; Chương trình hành động của Đảng đoàn Quốc hội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng¹...

Thực hiện chủ trương của Đảng về đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật² đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và chủ trương tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với tăng cường phân cấp, phân quyền; phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013

¹ Quyết định số 2362-QĐ/ĐĐQH14 ngày 24/6/2021 của Đảng đoàn Quốc hội.

² Luật chỉ quy định những nội dung có tính nguyên tắc, ổn định thuộc thẩm quyền quy định của QH; những vấn đề biến động, thường xuyên thay đổi thì giao cho Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết.

- Theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị và Kết luận số 119-KL/TW, ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị thì: "Các quy định của luật phải mang tính ổn định" và "Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn".

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội năm 2025 quy định: "Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài...; quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng; cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao".

(được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 203/2025/QH15) và một số luật có liên quan, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật về giám sát là yêu cầu khách quan, cấp thiết.

Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (Luật số 87/2015/QH13) được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 20/11/2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016). Sau 09 năm thi hành Luật đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật số 87/2015/QH13 đã bộc lộ một số vướng mắc, bất cập như quy định tại Luật chưa thực sự đầy đủ, phù hợp với tình hình thực tiễn cũng như chưa bảo đảm thống nhất, đồng bộ với một số quy định của pháp luật có liên quan. Do đó, ngày 08/6/2024, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động giám sát đã được bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025)³.

Từ các căn cứ nêu trên, Chính phủ thống nhất với sự cần thiết xây dựng dự án Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sửa đổi). Việc sửa đổi toàn diện Luật là yêu cầu khách quan, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân; tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; góp phần giảm chi phí tuân thủ pháp luật; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân trong bối cảnh mới.

II. VỀ DỰ THẢO LUẬT

1. Ý kiến chung

a) Để hoàn thiện dự thảo, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát kỹ lưỡng để đảm bảo thể chế hóa đầy đủ quan điểm đổi mới hoạt động giám sát gắn với đổi mới xây dựng pháp luật, tăng cường phân cấp, phân quyền giữa Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng dân tộc, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giữa Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân, qua đó phát huy vai trò chuyên môn sâu, tính chuyên nghiệp của Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ban của Hội đồng nhân dân trong việc tổ chức giúp Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường

³ Ngày 26/3/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 75/2025/UBTVQH15 điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (chương trình lập pháp) năm 2025 trong đó quy định "Điều chỉnh thời gian xem xét, thông qua dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân từ Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025) sang Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025)".



trực Hội đồng nhân dân thực hiện một số hoạt động giám sát nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả giám sát.

b) Về phạm vi và đối tượng giám sát: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định rõ phạm vi và đối tượng giám sát của từng cấp để tránh tình trạng giám sát chồng chéo hoặc giám sát hình thức.

c) Về các nguyên tắc hoạt động giám sát: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể giám sát trong việc xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn nội dung giám sát, đồng thời yêu cầu công khai chương trình và kết quả thực hiện tiêu chí đó nhằm nâng cao tính minh bạch và khả năng giải trình với cử tri. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu bổ sung nguyên tắc chuyển đổi số trong hoạt động giám sát để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử trong thời đại dữ liệu số.

d) Về phân định thẩm quyền giám sát giữa các cấp: Dự thảo đã phân định thẩm quyền giữa Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp xã, phù hợp với nguyên tắc “cấp nào giám sát cấp đó”⁴ theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW⁵. Tuy nhiên, một số quy định còn chưa cụ thể, đặc biệt là thuật ngữ “khi xét thấy cần thiết” trong việc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giám sát hoạt động thuộc cấp xã. Vì vậy, đề nghị cần định lượng rõ hơn quy định này để xác định rõ trường hợp phạm vi, đối tượng, tính chất khi thực hiện hoạt động giám sát nhằm thống nhất cách hiểu, nguyên tắc áp dụng, tránh việc áp dụng tùy nghi trong thực tiễn.

2. Ý kiến cụ thể

a) Về chủ thể giám sát và việc tổ chức Đoàn giám sát chuyên đề

- Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật: Về chủ thể giám sát, theo quy định của Hiến pháp, các chủ thể có thẩm quyền thực hiện giám sát là Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật thì chủ thể giám sát bao gồm: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo đó, Chính phủ đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi quy định về chủ thể giám sát tại dự thảo Luật Hoạt động giám sát đảm bảo phù hợp.

- Tại điểm a khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật: Đoàn đại biểu Quốc hội tự mình tổ chức Đoàn giám sát chuyên đề. Tuy nhiên, tại Thông báo số 2953/TB-VPQH

⁴ Trừ đơn vị hành chính không tổ chức cấp chính quyền địa phương

⁵ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới

ngày 14/8/2025 của Văn phòng Quốc hội về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị “bổ sung quy định Quốc hội có thể phân công Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội tổ chức giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát đã được Quốc hội phê duyệt, báo cáo kết quả để Quốc hội xem xét, thảo luận và ra nghị quyết giám sát chuyên đề; Hội đồng nhân dân có thể phân công Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát đã được Hội đồng nhân dân phê duyệt, báo cáo kết quả để Hội đồng nhân dân xem xét, thảo luận và ra nghị quyết giám sát chuyên đề”. Do đó, việc dự thảo Luật quy định Đoàn đại biểu Quốc hội tự mình tổ chức Đoàn giám sát chuyên đề cần cân nhắc, bảo đảm thực hiện đúng chỉ đạo nêu trên của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Về quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát (Điều 7) và trách nhiệm của chủ thể giám sát (Điều 5)

Tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Luật quy định chủ thể giám sát có trách nhiệm: “Thông báo trước về kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát, nội dung yêu cầu báo cáo, trả lời về vấn đề liên quan đến hoạt động giám sát cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan”. Theo đó, tại khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có quyền “Được thông báo trước về kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát, nội dung yêu cầu báo cáo, trả lời về vấn đề liên quan đến hoạt động giám sát”. Tuy nhiên, dự thảo Luật không quy định thời gian “thông báo trước” để chủ thể chịu sự giám sát có điều kiện chuẩn bị đầy đủ thông tin phục vụ hoạt động giám sát được thuận lợi, hiệu quả. Qua rà soát, Chính phủ thấy rằng:

- Tại dự thảo Nghị quyết Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội chỉ quy định về thời hạn thông báo đối với Đoàn đại biểu Quốc hội: “Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tổ chức để đại biểu Quốc hội tiến hành giám sát; thông báo nội dung, kế hoạch giám sát của đại biểu Quốc hội đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát **chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành hoạt động giám sát**” (khoản 4 Điều 50).

- Tại dự thảo Nghị quyết Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân và Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chỉ quy định về thời hạn thông báo đối với Tổ đại biểu Hội đồng

nhân dân: “Căn cứ nội dung vấn đề được giao, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xây dựng kế hoạch giám sát, đề cương báo cáo giám sát và thông báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 07 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành giám sát” (khoản 1 Điều 45).

Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung quy định về thời gian thông báo của các chủ thể giám sát trước khi tiến hành giám sát. Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định này còn tạo điều kiện để chủ thể chịu giám sát phản ánh thông tin liên quan đến hoạt động đã giám sát, góp phần đảm bảo “tránh trùng lặp, nâng cao hiệu quả giám sát” theo quy định tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật. Trên cơ sở đó, đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm tương ứng của chủ thể giám sát trong tiếp nhận thông tin, xử lý phản ánh, điều phối, tổ chức hoạt động giám sát phù hợp, tránh trùng lặp, thực hiện nguyên tắc “không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát” tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Luật.

c) Về giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 17)

Khoản 7 Điều 1 dự thảo Luật quy định: “Giám sát văn bản quy phạm pháp luật là việc chủ thể giám sát quy định tại Luật này xem xét, đánh giá, kết luận về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật; tính kịp thời, đầy đủ và việc tuân thủ về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật”. Tuy nhiên, tại điểm h khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội: “Giám sát việc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tuân thủ về trình tự, thủ tục tiếp thu ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan góp ý vào dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các luật có liên quan”. Chính phủ thấy rằng, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) có quy định chung về việc tổ chức lấy ý kiến đối với từng hình thức văn bản quy phạm pháp luật và trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo trong việc nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ và công khai việc tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện xã hội, tham vấn chính sách, góp ý chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (khoản 4 Điều 6); không quy định về trình tự, thủ tục tiếp thu ý kiến. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc nội dung này tại dự thảo Luật nhằm đảm bảo có đủ căn cứ pháp lý cho việc thực hiện hoạt động giám sát trên thực tế.

d) Về bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 18)

Khoản 3 Điều 18 dự thảo Luật quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội: “*Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*”. Như vậy, theo quy định tại dự thảo Luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước; Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ⁶. Về vấn đề này, Chính phủ có ý kiến như sau:

- Tại khoản 4 Điều 74 Hiến pháp năm 2013 quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền: “*Đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội*”.

- Theo quy định tại Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025): “*Văn bản quy phạm pháp luật bị bãi bỏ bằng văn bản của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền...*” (khoản 2).

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy, dự thảo Luật quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; thông tư của Tổng Kiểm toán nhà nước; Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ là cần được cân nhắc.

đ) Về giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội (Điều 20)

Điểm h khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật quy định Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội “*Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với cơ quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền...*”.

⁶ (khoản 5, 8, 9 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025))

Chính phủ cho rằng, quy định nêu trên dẫn tới cách hiểu cơ quan của Quốc hội của quốc gia cùng ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế với Việt Nam có quyền giám sát việc thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đối với các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam là không phù hợp với quy định tại Điều 1 (phạm vi điều chỉnh) và khoản 2 Điều 2 (chủ thể giám sát) của dự thảo Luật. Như vậy, có thể hiểu đây là trường hợp quy định của pháp luật Việt Nam đã quy định thêm trách nhiệm cho cơ quan nhà nước của nước ngoài. Điều này là không phù hợp với thông lệ chung của pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó quy định này có thể không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội nước ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế với Việt Nam. Đồng thời, quy định này cũng có khả năng dẫn tới việc vi phạm chủ quyền tư pháp của Việt Nam. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình việc bổ sung quy định nêu trên, bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 7 Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 và các luật có liên quan, bảo đảm tính thống nhất với phạm vi điều chỉnh dự thảo Luật.

e) Về hoạt động giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội (Điều 23) và thẩm quyền của đại biểu Quốc hội trong việc xem xét kết quả giám sát (Điều 26)

- *Về giám sát giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo của Đoàn đại biểu Quốc hội (Điều 23)*

Điểm b khoản 1 Điều 23 dự thảo Luật quy định Đoàn đại biểu Quốc hội giám sát giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương... Tuy nhiên, qua rà soát, Chính phủ nhận thấy Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2018 không quy định về thẩm quyền giám sát khiếu nại, tố cáo của Đoàn Đại biểu Quốc hội. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ, cơ sở của đề xuất tại quy định nêu trên.

- *Thẩm quyền của đại biểu Quốc hội trong việc xem xét kết quả giám sát (Điều 26)*

Khoản 3 Điều 26 dự thảo Luật quy định: Căn cứ vào kết quả giám sát, đại biểu Quốc hội có thẩm quyền “*Kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chủ trương, chính sách, pháp luật. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được kiến nghị có trách nhiệm xem xét và trả lời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc quy định nêu trên, nhất là trong trường hợp một vấn đề được nhiều đại biểu Quốc hội quan tâm, nhiều kiến nghị có nội dung trùng lặp, dẫn đến tạo gánh nặng, áp lực công việc lớn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát khi phải trả lời các kiến nghị của các đại biểu Quốc hội về cùng một vấn đề.

g) Về thẩm quyền xử lý văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã (Điều 29)

Tại khoản 1 Điều 29 dự thảo Luật: Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh lý để quy định đúng và đầy đủ thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã trong xử lý văn bản trái pháp luật, bảo đảm thống nhất với Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, cụ thể:

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Theo điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật số 72/2025/QH15, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp xã. Luật không quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền đình chỉ việc thi hành văn bản này. Do đó, đề nghị bỏ quy định về thẩm quyền đình chỉ tại dự thảo.

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: Theo điểm d khoản 1 Điều 21 Luật số 72/2025/QH15, Hội đồng nhân dân cấp xã có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp. Vì vậy, đề nghị rà soát để bảo đảm dự thảo quy định đầy đủ cả hai thẩm quyền này (đình chỉ và bãi bỏ) và cả thẩm quyền đối với cả văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

h) Về bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động giám sát (Điều 41)

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung đánh giá tác động đối với ngân sách nhà nước đối với việc bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động giám sát để đảm bảo tính khả thi sau khi Luật được thông qua và triển khai trên thực tế.

- Khoản 2 Điều 41 dự thảo Luật bổ sung quy định “*Nhà nước bảo đảm nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, cơ sở dữ liệu về hoạt động giám sát, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân*”. Tuy nhiên, qua rà soát các dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật không quy định nội dung liên quan đến cơ sở dữ liệu về hoạt động giám sát tại quy định nêu trên (ví dụ như quy trình thu thập, sử dụng, cập nhật vào cơ sở dữ liệu giám sát về tình hình và kết quả giám sát của các chủ thể giám sát cũng như quy định về chia sẻ thông tin dữ liệu giám sát...).

Qua rà soát, Chính phủ cũng thấy rằng tại Nghị quyết số 560/NQ-UBTVQH15⁷ ngày 22/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội và Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15⁸ ngày

⁷ Khoản 4 Điều 5 quy định “Kết quả giám sát phải được tổng hợp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu giám sát và được công khai theo quy định”; khoản 2 Điều 17 quy định: “Văn phòng Quốc hội hướng dẫn việc cập nhật kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội vào cơ sở dữ liệu giám sát văn bản quy phạm pháp luật”;

⁸ Khoản 2 Điều 31 quy định: “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc thu thập, sử dụng, cập nhật tình hình và kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp tại địa phương mình để xây dựng cơ sở dữ liệu giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”.

12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân đã có quy định về cơ sở dữ liệu giám sát. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin liên quan đến thực tế triển khai xây dựng “cơ sở dữ liệu về hoạt động giám sát” tại quy định nêu trên thời gian qua (việc triển khai xây dựng, kết nối thông tin, hiệu quả khai thác dữ liệu thông tin, quyền truy cập cơ sở dữ liệu...), giải trình về việc bổ sung quy định “*Nhà nước bảo đảm nguồn lực để đầu tư ... cơ sở dữ liệu về hoạt động giám sát*” tránh phát sinh tổ chức, bộ máy mới để triển khai thực hiện quy định trên khi Luật có hiệu lực thi hành, bảo đảm thực hiện đúng chỉ đạo tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017: “*Không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội không thuộc lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước; trường hợp cần thiết thì phải có quy trình thẩm định, thẩm tra, đánh giá tác động chặt chẽ để Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có cơ sở xem xét, quyết định*”.

- Đề nghị sửa lại Điều 41 như sau:

“1. Kinh phí phục vụ hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nhà nước bảo đảm nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị làm việc, cơ sở dữ liệu về hoạt động giám sát, ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số phục vụ hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và quy định pháp luật có liên quan.”.

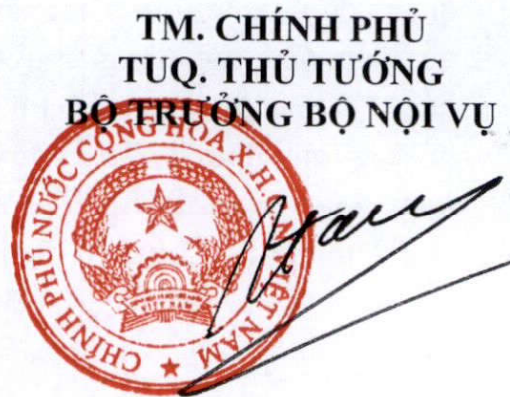
i) Về kỹ thuật soạn thảo

Dự thảo Luật có nhiều quy định trích dẫn quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (ví dụ: khoản 2 Điều 13, điểm b khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 15...). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý các quy định liên quan nêu trên theo hướng không trích dẫn cụ thể quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm tính ổn định của Luật. Mặt khác, một số nội dung tại các điều, khoản của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15.

Trên đây là ý kiến của Chính phủ về Hồ sơ dự án Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân (sửa đổi), xin gửi Quý cơ quan nghiên cứu, tham khảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng (đề b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, PCN;
- Lưu: VT, QHĐP. 11



Phạm Thị Thanh Trà